

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 18/2023/DS-GĐT

Ngày 07/4/2023

Về “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần tham gia xét xử giám đốc thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Trương Minh Tuấn và ông Nguyễn Văn Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thị Tuyết - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H; cùng địa chỉ: thôn T, xã A, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C; cùng địa chỉ: nhà số 59 đường P, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Minh H; địa chỉ: nhà số 25 đường L, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

+ Chị Nguyễn Thị Tuyết N; địa chỉ: Lô 38, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai; hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại số 5 trại G, thuộc huyện M, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2019, 14/01/2020 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là vợ chồng ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H trình bày:*

Ngày 13/10/2017 tại Phòng công chứng N tỉnh Gia Lai, ông Nguyễn Công P và bà Lê Thị Kim H ký *Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền với đất)* bán cho anh Cù Minh Q nhà đất tại địa chỉ 23 đường Lê Hồng P, phường Đ, thị xã A, tỉnh Gia Lai mà Ủy ban nhân dân huyện A cấp *Giấy*

chứng nhận quyền sở hữu nhà số 299/CN-UB ngày 20/7/1994 cho vợ chồng ông P, bà H; giá bán ghi trên Hợp đồng là 700.000.000 đồng để trốn thuế, còn giá thỏa thuận mua bán là 2.200.000.000 đồng.

Việc ông P, bà H bán nhà đất số 23 đường L cho anh Q không có thỏa thuận khấu trừ một phần tiền bán nhà đất cho khoản tiền vay và nợ hui của vợ chồng anh Nguyễn Minh H, chị Nguyễn Thị Tuyết N (là con trai, con dâu ông P, bà H) đối với anh Q và vợ là chị Nguyễn Thị Kim C. Sau khi ký hợp đồng bán nhà đất, anh Q, chị C đã thanh toán 800.000.000 đồng, số tiền này ông P, bà H trả Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn-chi nhánh thị xã A (viết tắt Agribank - A) để lấy giấy tờ nhà đất đang thế chấp tại Ngân hàng ra làm thủ tục công chứng, sang tên anh Q; hai bên thống nhất sau khi hoàn thành thủ tục sang tên, anh Q, chị C sẽ thanh toán số tiền còn lại cho vợ chồng ông P. Tháng 4/2018 anh Q trả 60.000.000 đồng (chị Nguyễn Thị P con gái ông P, bà H nhận thay), ngày 08/11/2018 anh Q trả 413.000.000 đồng (ông P và anh H nhận); như vậy, anh Q mới thanh toán 1.273.000.000 đồng, còn nợ 927.000.000 đồng nên ông P, bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Q, chị C trả và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất chậm trả 2%/tháng từ tháng 09/2018 đến tháng 6/2022 số tiền 834.300.000 đồng, tổng cộng yêu cầu trả 1.761.300.000 đồng.

** Bị đơn là vợ chồng anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:* Năm 2016 và năm 2017 vợ chồng chị N và anh H (con dâu, con trai ông P, bà H) cầm cái nhiều dây hui thì chị C có tham gia chơi nhiều dây hui đến ngày 24/7/2017 thì dừng chơi vì chị N bị Công an thị xã A điều tra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua việc tổ chức chơi hui khổng vì có người tố cáo nên chị N giao cho chị C giữ 02 cuốn Sổ hui do chị Nghi theo dõi việc chơi hui. Số tiền hui chị C đã đóng, chưa hốt cho chị N thể hiện trên 02 Sổ hui là 543.690.000 đồng (cụ thể chị C đóng 19 dây hui, gồm: 04 dây hui 5 triệu/10 ngày; 05 dây hui 5 triệu/15 ngày; 02 dây hui 3 triệu/15 ngày; 05 dây hui 5 triệu/tháng; 02 dây hui 3 triệu/tháng và 01 dây hui 2 triệu/tháng) và ngày 13/9/2017 anh Hoàng, chị N ký *Giấy mượn tiền*, mượn vợ chồng chị C 300.000.000 đồng.

Sau khi chị N bị bắt tạm giam thì anh H đặt vấn đề với vợ chồng anh Q việc sẽ bán nhà đất tại số 23 đường L, phường Đ, thị xã A (nhà này ông P, bà H cho anh H, chị N ở đã lâu, nhưng chưa sang tên) để trừ nợ hui và nợ vay nên vợ chồng anh Q đã gặp trao đổi với ông P, bà H thì ông P, bà H đồng ý ký Hợp đồng bán nhà đất cho anh Q, còn tiền anh H nhận để thanh toán nợ. Vì vậy, ngày 13/10/2017 tại Phòng công chứng, ông P và bà H ký Hợp đồng bán nhà đất số 23 đường L cho anh Q với giá ghi trên Hợp đồng là 700.000.000 đồng để trốn thuế, còn giá mua bán thực tế là 2.200.000.000 đồng (anh Q, chị C được chỉnh lý sang tên nhà đất cùng ngày 13/10/2017).

Vợ chồng anh Q, chị C đã thanh toán tiền mua nhà đất số 23 đường L như sau: (i) Ngày 13/10/2017 ông P, bà H ký *Giấy nhận tiền đặt cọc* - bl 80) nhận của

anh Q, chị C 800.000.000 đồng. Ông P, bà H trả Agribank – A 400.000.000 đồng để lấy giấy tờ nhà đất số 23 đường L ông P, bà H đứng tên thế chấp tại đây để làm thủ tục công chứng, sang tên anh Q; anh Q và chị C đưa thêm 10.000.000 đồng để trả gốc và lãi số tiền 410.000.000 đồng mà ông P, bà H vay Ngân hàng ABC, thế chấp bằng nhà đất trên đường N. Anh Q, chị C trả Agribank - A 3.888.889 đồng tiền lãi cho khoản tiền ông P, bà H vay tại đây, nộp thuế, lệ phí công chứng Hợp đồng mua bán nhà đất số tiền 86.111.111 đồng; (ii) Khấu trừ 843.690.000 đồng vợ chồng anh H, chị N nợ tiền vay và tiền hui; (iii) anh Nguyễn Minh H nhận 03 lần, mỗi lần 50.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng có chị Nguyễn Thị S người cùng chơi hui làm chứng; (iv) Tháng 4 năm 2018 chị Nguyễn Thị Ph (con gái ông P, bà H) nhận thay ông P, bà H 60.000.000 đồng; (v) ngày 08/11/2018 ông P và anh H nhận 413.000.000 đồng có viết **Giấy nhận tiền**, xác nhận anh Q, chị C đã “*thanh toán đủ cho việc nhận sang nhượng căn nhà số 23 đường L phường D, thị xã A*” (bl 81). Như vậy, anh Q, chị C đã thanh toán đủ tiền mua nhà đất số 23 đường L và sau đó do anh H không chịu bàn giao nhà đất và chị Nguyễn Thị P gây sức ép môi giới buộc anh Q, chị C phải ký Hợp đồng bán nhà đất số 23 đường L lại cho vợ chồng anh Trần Văn L; vợ chồng anh L đã đứng tên nhà đất từ tháng 11 năm 2018, đã phá nhà cũ xây nhà mới và vợ chồng ông P, bà H, anh H biết nhưng không phản đối; vì các lý do trên anh Q, chị C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P, bà H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Minh H trình bày căn nhà 23 Lê Hồng P cha mẹ Anh đứng tên, chưa cho vợ chồng Anh, cha mẹ Anh ký Hợp đồng bán nhà cho vợ chồng anh Q nên đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Q thanh toán đủ tiền cho cha mẹ A.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Tuyết N thừa nhận vợ chồng Chị có vay vợ chồng anh Q 300.000.000 đồng, thừa nhận cầm cái nhiều dây hui có chị C có tham gia chơi. Khi bị Công an điều tra thì chị N có giao 02 cuốn Sổ hui do chị N ghi theo dõi cho chị C giữ nên số tiền hui chị C đóng chưa hết thì chị N không nắm rõ. Trong trại tạm giam chị N có nghe anh H thông báo ông P, bà H lo lắng khi chị N bị bắt giam nên đồng ý bán nhà số 23 đường L (nhà này ông P, bà H cho vợ chồng chị N đã lâu, nhưng chưa sang tên) lấy tiền trả nợ cho vợ chồng anh H, chị N.*

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 13/7/2022, Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai quyết định:**

Căn cứ vào khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 161, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ các Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 120, Điều 500, Điều 501, Điều 502, Điều 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 118, Điều 119, Điều 120, Điều 121, Điều 122 và Điều 126 Luật nhà ở năm 2014; Căn cứ các Điều 168 và Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H về việc buộc anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C phải thanh toán số tiền 927.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 2%/tháng tính từ tháng 09/2018 đến hết tháng 06/2022 là 45 tháng với số tiền là 834.300.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H hoàn trả lại cho bị đơn anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C số tiền chi phí giám định là 6.400.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 76.839.000 đồng. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.205.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013290 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai; ông P, bà H còn phải nộp 53.634.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp có quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 26/7/2022, ông Mai Quốc T (đại diện theo ủy quyền của ông P, bà H) kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*** Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 64/2022/DS-PT ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng các Điều 274, khoản 1 Điều 275, khoản 2 Điều 280, Điều 357, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Mai Quốc T là người đại diện theo quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H; sửa Bản án dân sự sơ

thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai về “yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H với bị đơn là anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H: Buộc anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C trả cho ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H số tiền 1.273.234.500 đồng (trong đó tiền gốc là 927.000.000 đồng, tiền lãi 346.234.500 đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim N phải nộp số tiền 50.197.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.205.000 đồng theo biên lai thu số 0013290 ngày 04/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0010435 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

3. Về chi phí tố tụng: Anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C phải chịu 6.400.000 đồng tiền chi phí giám định, nhưng trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định đã nộp. Anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C đã nộp đủ tiền chi phí giám định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C có Đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án phúc thẩm theo hướng hủy bản án phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS ngày 03/3/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm sửa toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 64/2022/DS-PT ngày 30/9/2022 của Tòa án

nhân dân tỉnh Gia Lai theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H; ông P, bà H phải chịu án phí sơ thẩm; anh Q, chị C được nhận lại tiền án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

* Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nhà đất tại địa chỉ 23 Lê Hồng Phong, thị xã A, tỉnh Gia Lai do ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H đứng tên chủ sở hữu theo *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 299/CN-UB* do UBND huyện A cấp ngày 20/7/1994. Ngày 13/10/2017 tại Phòng công chứng N tỉnh Gia Lai, ông P, bà H ký Hợp đồng bán nhà đất cho anh Cù Minh Q với giá ghi trên Hợp đồng là 700.000.000 đồng, nhưng hai bên thừa nhận giá mua bán thực tế là 2.200.000.000 đồng (chỉnh lý sang tên vợ chồng anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C tại trang sau của *Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 299/CN-UB* cùng ngày 13/10/2017).

[2] Ông P, bà H khởi kiện cho rằng vợ chồng anh Q mới trả 1.273.000.000 đồng (gồm đặt cọc 800.000.000 đồng; trả 60.000.000 đồng do chị Nguyễn Thị Ph con gái ông P, bà H nhận thay; ngày 08/11/2018 trả 413.000.000 đồng ông P và anh H nhận) nên yêu cầu vợ chồng anh Q trả số tiền mua nhà còn thiếu 927.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi. Anh Q, chị C trình bày năm 2016, 2017 chị C tham gia chơi nhiều dây hụi do vợ chồng chị N, anh H cầm cái, chị Chinh chưa đến lượt hốt hụi thì chị N bị Công an điều tra hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên chị N giao chị C giữ 02 cuốn Sổ hụi do chị N ghi thể hiện số tiền hụi chị C đã đóng hụi, chưa hốt là 543.690.000 đồng và ngày 13/9/2017 anh H, chị N còn viết *Giấy mượn tiền* mượn anh Q, chị C 300.000.000 đồng. Sau đó, chị N bị bắt tạm giam nên ông P, bà H và anh H thống nhất bán nhà số 23 đường L cho vợ chồng chị C (nhà này ông P, bà H đã cho vợ chồng anh H ở từ lâu, nhưng chưa sang tên, chị N thừa nhận việc này) tiền bán nhà một phần khấu trừ 843.690.000 đồng tiền vay và tiền hụi anh H, chị N nợ anh Q, chị C; số tiền còn lại anh Q, chị C đã trả đủ nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông P, bà H.

[3] Xét, ông P, bà H thừa nhận anh Q, chị C đã trả khoản tiền: 800.000.000 đồng đặt cọc ngày 13/10/2017 (có ký *Giấy nhận tiền đặt cọc* - bl 80); chị Nguyễn Thị Ph (con gái ông P, bà H) nhận thay ông P, bà H 60.000.000 đồng và ngày 08/11/2018 ông P, anh H nhận 413.000.000 đồng. Xét, anh Q, chị C trình bày ngoài số tiền ông P, bà H thừa nhận đã nhận trên thì anh Q, chị C đã trả thay ông P, bà H tiền lãi tại Ngân hàng ACB và Ngân hàng Agribank - A số tiền 10.000.000 đồng + 3.888.889 đồng; nộp thuế, lệ phí công chứng Hợp đồng mua bán nhà đất 86.111.111 đồng, những khoản tiền này phù hợp thực tế và ông P, bà H, anh H

không có ý kiến phản đối; đối với khoản tiền 150.000.000 đồng anh Q, chị C khai do anh H đe dọa giết nên Anh Chị phải giao cho anh H 3 lần có chị Nguyễn Thị S là người cùng chơi hụi làm chứng thì Tòa án nhân dân thị xã A đã nhiều lần triệu tập anh H đối chất, nhưng anh H đều vắng mặt và không có ý kiến phản đối và xét khoản tiền này phù hợp với các Biên bản ghi lời khai do Công an thị xã A tiến hành (bl 124,125).

[4] Xét việc ông P, bà H cho rằng khi Ông Bà bán nhà số 23 đường L cho anh Q, chị C thì không đồng ý khấu trừ 843.690.000 đồng (tiền hụi và tiền vay mà vợ chồng con trai, con dâu ông P, bà H nợ anh Q, chị C) vào tiền bán nhà thì thấy: - *Bản ghi âm* cuộc nói chuyện giữa chị C với bà H và *Biên bản lấy lời khai* ông P ngày 21/7/2020 ông P, bà H thừa nhận việc chuyển nhượng nhà đất số 23 đường L là thỏa thuận giữa anh H với vợ chồng chị C, mục đích trả nợ vợ chồng chị C và trừ nợ hụi, ông P, bà H chỉ ký hợp đồng chuyển nhượng đã soạn sẵn (bl 52, 102-108); - *Biên bản ghi lời khai* anh H ngày 19/6/2018 do Công an thị xã A lập giải quyết việc anh H bị tố cáo có hành vi đe dọa giết chị C, anh Q thì anh H thừa nhận căn nhà số 23 đường L đứng tên ông P, bà H, ông P, bà H chuyển nhượng cho chị C lấy tiền cho anh H (bl 124); - *Bản tự khai* ngày 14/8/2020 và *Biên bản đối chất* ngày 31/3/2022 chị Nhung khai căn nhà số 23 đường L bố mẹ chồng cho vợ chồng chị từ lâu, nhưng chưa làm thủ tục sang tên, bố mẹ chồng cho bán nhà đất để trả nợ (bl 113, 313); - *Biên bản lấy lời khai* ngày 05/5/2021 ông P khai số tiền 413.000.000 đồng vợ chồng chị C giao ngày 08/11/2018 tại nhà chị P, số tiền này ông P giao cho anh H để trả nợ (bl 155); - Khi anh H không bàn giao nhà số 23 đường L cho vợ chồng anh Q nên xảy ra tranh chấp thì chị Nguyễn Thị Ph (con gái ông Ph, bà H) lại là người môi giới, buộc vợ chồng anh Q ký Hợp đồng công chứng ngày 06/11/2018 bán căn nhà lại cho vợ chồng anh L (bl 176-178) và chị Ph nhận của vợ chồng anh L 27.000.000 đồng tiền môi giới; sau đó, vợ chồng anh L đã phá toàn bộ nhà cũ, xây nhà mới, ông P, bà H, anh H đều biết nhưng không phản đối. Hơn nữa, tại **Giấy nhận tiền** ngày 08/11/2018 anh H ghi: “Tôi tên Nguyễn Minh H...có nhận số tiền 413.000.000 đồng từ ông Cù Minh Q cùng vợ Nguyễn Thị Kim C, số tiền trên thanh toán đủ cho việc nhận sang nhượng căn nhà số 23 đường L, tôi nhận thay cho cha mẹ tôi là ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H. Tôi cam kết sẽ chuyển số tiền này cho cha, mẹ tôi. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu không thực hiện đúng như cam kết, để phát sinh mâu thuẫn giữa ông Cù Minh Q, bà Nguyễn Thị Kim C với cha, mẹ tôi”, cuối Giấy ông P và anh H ký tên người nhận tiền (bl 81).

[5] Với các tài liệu, chứng cứ trích tại các mục trên, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy Tòa án nhân dân huyện A (cấp sơ thẩm) xác định anh Q, chị C đã thanh toán đủ tiền mua nhà đất số 23 đường L cho ông P, bà H nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà H là có cơ sở; Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (cấp phúc thẩm) sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P, bà H là không có cơ sở nên chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số

26/QĐ-VKS-DS ngày 03/3/2023 của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án dân sự phúc thẩm và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Tại Công văn số 33/CV-CCTHADS ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A gửi Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho biết Chi cục đã tổ chức thi hành quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, theo đó đã thu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm 50.197.000 đồng mà ông Cù Minh Q và bà Nguyễn Thị Kim C phải nộp, còn các phần quyết định khác của bản án phúc thẩm chưa thu được; do đó, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm sẽ điều chỉnh lại phần này trong quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 2 Điều 343, Điều 344 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 26/QĐ-VKS-DS ngày 03/3/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy bản án dân sự phúc thẩm số 64/2022/DS-PT ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST ngày 13/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện A, cụ thể:

Áp dụng khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 161, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 116, 117, 118, 120, 500, 501, 502, 503 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 118, 119, 120, 121, 122, 126 Luật Nhà ở năm 2014; các Điều 168, 188 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, 3 Điều 26, khoản 6 Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H, yêu cầu anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C phải thanh toán số tiền 927.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán với mức lãi suất là 2%/tháng tính từ tháng 09/2018 đến hết tháng 06/2022 là 45 tháng với số tiền là 834.300.000 đồng.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H hoàn trả lại cho anh Cù Minh Q, chị Nguyễn Thị Kim C số tiền chi phí giám định là 6.400.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 76.839.000 đồng, khấu trừ số tiền 23.205.000 đồng ông P, bà H đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013290 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai thì ông P, bà H còn phải nộp 53.634.000 đồng.

Anh Cù Minh Q và chị Nguyễn Thị Kim C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả 50.197.000 đồng đã nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quyết

định của bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành, nhưng đã bị hủy theo Biên lai thu tiền số 0020923 ngày 17/01/2023 và Quyết định thi hành án chủ động số 27/QĐ-CCTHADS ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Công P, bà Lê Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010435 ngày 09/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thị xã A, tỉnh Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai (để thi hành);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng Giám đốc kiểm tra về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân